TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ DUY TIÊN** **TỈNH HÀ NAM** Án số: 24/2024/HNGĐ-ST Ngày 22/8/2024 *"V/v tranh chấp ly hôn"*	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ DUY TIÊN - HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Mạnh Xuân Hải

Các Hội thẩm nhân dân: ông Nguyễn Minh Tuấn và ông Nguyễn Văn Hoằng;

***- Thư ký phiên tòa*:** bà Phạm Thị Lan Anh - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Duy Tiên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Duy Tiên tham gia phiên toà: Bà Lê Thị Minh Hoa - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 8 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Duy Tiên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 11/2024/TLST - HNGĐ ngày 02/02/2024, về việc: "Xin ly hôn". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2024/QĐST - HNGĐ ngày 08/7/2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2024/QĐST - HNGĐ ngày 25/7/2024, giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1959; có mặt.

2/ Bị đơn: bà Vũ Thị D, sinh năm 1962; vắng mặt.

Các đương sự cùng trú tại: Tổ dân phố Phạm Văn Đ, phường Đồng V, thị xã Duy T, tỉnh Hà N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Văn T trình bày:

Ông kết hôn với bà Vũ Thị D trên cơ sở tự nguyện và được UBND thị trấn Đồng V, huyện Duy T (nay là UBND phường Đồng V, thị xã Duy T), tỉnh Hà Nam tổ chức đăng ký kết hôn vào ngày 27/02/1987. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là vợ chồng không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống, từ đó giữa vợ chồng xảy ra việc cãi vã nhau nên ông và bà D đã sống ly thân từ khoảng năm 1992 đến nay. Nay ông xét thấy tình cảm vợ chồng giữa ông và bà D không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ông

được ly hôn bà D.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Vũ Thị D không hợp tác với Tòa án trong việc giải quyết vụ án và từ chối nhận các văn bản tố tụng, như: Thông báo thụ lý vụ án, các Giấy triệu tập đương sự , Thông báo về phiên họp kiểm tra việc tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Ngày 22/4/2024, Tòa án phối hợp với chính quyền địa phương đến gia đình bà D để ghi lời khai của bà D về quan điểm xin ly hôn của ông T. Tại đây, bà D xác nhận đã từng nhận được bưu phẩm của Tòa án do nhân viên bưu chính chuyển đến nhưng bà đã bỏ đi không đọc nội dung Văn bản này. Ngoài ra, bà D cho rằng bà không có mối quan hệ hôn nhân với ông Nguyễn Văn T nên đề nghị Tòa án căn cứ pháp luật giải quyết và không trả lời các câu hỏi của Tòa án đưa ra.

***** Về con chung của vợ chồng: Theo ông T trình bày: Giữa ông và bà Vũ Thị D có 02 người con chung, không có con nuôi; các con chung của ông, bà là anh Nguyễn Chí D, sinh ngày 23/11/1987 và anh Nguyễn Chí C, sinh ngày 20/3/1990. Hiện tại các con chung đã đủ 18 tuổi, trưởng thành tự lập được nên khi ly hôn ông không yêu cầu Tòa án giải quyết. Theo bà D cho rằng các anh Nguyễn Chí D, sinh ngày 23/11/1987 và anh Nguyễn Chí C, sinh ngày 20/3/1990 là con riêng của bà.

* Về tài sản chung, công sức, công nợ: Nguyên đơn, ông Nguyễn Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Phía bà D không thể hiện quan điểm gì.

Tại phiên tòa ông T giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn của mình.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, các Điều 147,227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Xử: Ly hôn giữa ông Nguyễn Văn T và bà Vũ Thị D; về án phí HNGĐ sơ thẩm: Miễn án phí cho nguyên đơn.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Duy Tiên phát biểu quan điểm, sau khi thảo luận và nghị án;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, phía bị đơn là bà Vũ Thị D không hợp tác làm việc và từ chối nhận các văn bản tố tụng của Tàa án. Do vậy Tòa án đã tiến hành niêm yết các Văn bản tố tụng đối với Bị đơn theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, Bị đơn là bà Vũ Thị D vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Căn cứ các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt Bị đơn là Vũ Thị Dung theo quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Văn T cho rằng: Ông kết hôn với bà Vũ Thị D ngày 27/02/1987 và được

UBND thị trấn Đồng V, huyện Duy T (nay là phường Đồng V, thị xã Duy T), tỉnh Hà N tổ chức đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật và ông xuất trình bản chính Giấy chứng nhận kết hôn với Tòa án. Đối với bị đơn là bà Vũ Thị D không thừa nhận quan hệ hôn nhân giữa bà và ông Nguyễn Văn T. Theo kết quả xác minh, chính quyền địa phương cho biết: Ông Nguyễn Văn T và bà Vũ Thị D có quan hệ vợ chồng và có tổ chức cưới theo phong tục địa phương, sau khi cưới, ông bà chung sống một thời gian tại thôn Ninh L, thị trấn Đồng V (nay là Tổ dân phố Phạm Văn Đ, phường Đồng V). Do hiện tại UBND phường không còn lưu trữ sổ đăng ký kết hôn của phường từ năm 2000 trở về trước. Tuy nhiên, căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án như: Giấy khai sinh 02 người con chung của ông, bà đều có tên ông T, bà D là cha, mẹ của hai người con chung. Mặt khác, tại thời điểm năm 1987 thì ông T, bà D đều đã đủ tuổi kết hôn theo Luật HN&GĐ năm 1959.

Do đó, mặc dù bà D không thừa nhận mối quan hệ hôn nhân giữa bà và ông Tuyên với Tòa án. Tuy nhiên, căn cứ vào các tài liệu chứng cứ và nhận định trên HĐXX có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa ông Nguyễn Văn T và bà Vũ Thị D là hôn nhân hợp pháp. Nay vợ chồng ông, bà mâu thuẫn và ông T có yêu cầu ly hôn thì Tòa án cần căn cứ quy định của pháp luật để giải quyết theo thủ tục chung.

[3] Về quan hệ tình cảm vợ chồng: Sau khi kết hôn vợ chồng ông T và bà D chung sống hòa thuận một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, ông bà đã sống ly thân từ khoảng năm 1992 đến nay. Nay quan điểm của ông T xin được ly hôn bà D. Do bà D không thừa nhận quan hệ hôn nhân với ông T nên bà không có quan điểm gì. Căn cứ vào kết quả xác minh, chính quyền địa phương cho biết vợ chồng ông T, bà D đã sống ly thân nhiều năm không quan tâm đến nhau. Từ nhận định trên, HĐXX xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa ông T và bà D đã thực sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cho dù kéo dài tình trạng ly thân của vợ chồng như hiện nay cũng không đem lại hạnh phúc. Vì vậy, HĐXX cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Nguyễn Văn T đối với bà Vũ Thị D là phù hợp với quy định tại các Điều 51, 56 Luật NH&GĐ.

[4] Về con chung: Căn cứ lời khai của nguyên đơn và kết quả xác minh cho thấy: Vợ chồng ông Tuyên, bà Dung có 02 người con chung là: Nguyễn Chí D, sinh ngày 23/11/1987 và anh Nguyễn Chí C, sinh ngày 20/3/1990. Hiện nay cac con chung đã đủ 18 tuổi, trưởng thành, tự lập được. Khi ly hôn ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không đặt ra xem xét.

[5] Về tài sản chung, công nợ, công sức của vợ chồng: Do các đương sự không yêu cầu nên HĐXX không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn ông Nguyễn Văn T phải chịu theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, do ông T là người cao tuổi và có Đơn xin miễn án phí nên ông T không phải nộp.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Các Điều 28, 35, 39, 147, 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình;

- Nghị quyết 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử ly hôn giữa ông Nguyễn Văn T và bà Vũ Thị D.

2. Về án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: Miễn án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm cho ông Nguyễn Văn T.

Báo cho nguyên đơn ông Nguyễn Văn T có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn bà Vũ Thị D vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Hà Nam.*
- *VKSND thị xã Duy Tiên.*
- *Chi cục THADS thị xã Duy Tiên.*
- *UBND phường Đồng Văn;*
- *Các đương sự.*
- *Lưu hồ sơ.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

MẠNH XUÂN HẢI